

1994. Luận án PTS khoa học y dược, Đại học Y khoa Hà Nội – 1995.
- 4) **Phạm Huy Thông:** Nghiên cứu chẩn đoán sớm và kết quả điều trị Lupus ban đỏ hệ thống tại khoa dị ứng – Miễn dịch lâm sàng bệnh viện Bạch Mai. Luận văn thạc sỹ y học, Hà Nội – 2004.
  - 5) **Đỗ Gia Tuyền:** Viêm cầu thận Lupus, Suy thận mạn. Bài giảng bệnh học Nội khoa, nhà xuất bản Y học, Hà Nội – 2007.
  - 6) **Daniel J.:** Dubois' lupus erythematosus, 7th Edition, 2007. (Chapter 1)
  - 7) **Giannouli S, Voulgarelis M, Ziakas PD, Tzioufas AG :** Anaemia in systemic lupus erythematosus: from pathophysiology to clinical assessment. Ann Rheum Dis. 2006;65(2):144.

## NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH, ĐẶC ĐIỂM BỆNH LẬU TẠI BỆNH VIỆN DA LIỄU TRUNG ƯƠNG

**Nguyễn Hữu Sáu\***

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Khảo sát tình hình, đặc điểm bệnh lậu tại Bệnh viện da liễu Trung ương. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Phương pháp mô tả cắt ngang dựa trên các dữ liệu của 1946 bệnh nhân mắc bệnh lậu đến khám và điều trị tại Bệnh viện Da liễu Trung ương từ tháng 1/2006 đến hết 12/2010. **Kết quả:** Trong thời gian 5 năm đã có 1946 Bn bị bệnh lậu, chiếm 9,6% tổng số bệnh nhân mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục và chiếm 0,24% tổng số bệnh nhân da và hoa liễu tại phòng khám. Trong đó, 64,9% bệnh nhân là nam, 35,1% bệnh nhân là nữ, 84,6% bệnh nhân ở lứa tuổi từ 15 đến 49. Có 79% bệnh nhân mắc lậu cấp, 19,5% bệnh nhân mắc bệnh giai đoạn mạn tính và 1,4 % bệnh nhân mắc lậu mắt. Bệnh gặp ở mọi đối tượng. Tuy nhiên số người làm nghề tự do đến khám nhiều nhất (519 trường hợp) và ít nhất là bộ đội và công an (42 trường hợp). **Kết luận:** Số người mắc bệnh lậu chiếm 9,6% số bệnh nhân mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Bệnh nhân chủ yếu ở lứa tuổi hoạt động tình dục. Hầu hết các bệnh nhân bị lậu cấp và làm nghề tự do.

**Từ khóa:** Bệnh lậu, bệnh lây truyền qua đường tình dục.

### SUMMARY

**Studying the features of gonorrhoea at the National hospital of Dermatology and venereology**

**Objective:** To investigate the situation and characteristics of gonorrhoea at the National hospital of Dermatology and venereology ( NHDV). **Material and Method:** the cross-sectional study based on data gathered from 1946 patients with gonorrhoea at the NHDV from 01/2006 to 12/2010. **Results:** During 5

years, there were 1946 patients with gonorrhoea, accounting for 9,6% of patients with sexually transmitted diseases (STD) and 0,24% of patients at out patient department, in which 35,1% of patients was woman, 64,9% of patients was man. There was 79 % of patients suffered from acute gonorrhoea, 19,5% of patients with chronic phrase and 1,4% of patients with keratitis. The pathology occurs in everyone; however, the number of patients being free – workers was the highest, the lowest were police and soldier. **Conclusion:** gonorrhoea accounted for 9,6% of all STI at the National hospital venereology. It mainly occurred in the age of sexual- activity. Most of patients was free workers suffered from acute period

**Keywords:** Gonorrhoea, sexually transmitted disease

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh lậu là một trong những bệnh lây truyền qua đường tình dục do song cầu khuẩn gram âm có tên là *Neisseria gonorrhoeae* gây nên. Ở Mỹ năm 1983 có hơn 2 triệu người mắc bệnh [3]. Trong những thập kỷ gần đây, bệnh lậu cũng như một số các bệnh lây truyền qua đường tình dục khác gia tăng ở một số nước do nhiều nguyên nhân như điều kiện kinh tế xã hội không ổn định, tình trạng mại dâm gia tăng và nhất là xuất hiện đại dịch HIV/AIDS [2].

Ở nước ta, nhờ hệ thống ngành da liễu hoạt động tốt, tình hình các bệnh lây truyền qua đường tình dục nói chung và bệnh lậu nói riêng vẫn được báo cáo thường xuyên. Trên thực tế nhiều bệnh nhân mắc các bệnh lây truyền tình

\* Trường Đại học Y Hà nội

**Phản biện khoa học:** PGS.TS. Nguyễn Văn Thường

dục đến điều trị tại các phòng khám tư nhân hoặc tự điều trị. Điều này gây không ít khó khăn trong quản lý các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Do vậy, chúng tôi tiến hành khảo sát tình hình bệnh lậu tại bệnh viện Da liễu Trung ương trong thời gian 5 năm từ 1/ 2006 đến hết tháng 12/2010

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**1- Đối tượng nghiên cứu:** 1946 Bn đến khám và được chẩn đoán là bệnh lậu dựa vào triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm nhuộm gram, tại Khoa khám bệnh Bệnh viện Da liễu Trung ương (BVDLTƯ) từ 1/2006 đến hết 12/2010.

## III. KẾT QUẢ

### 1- Tình hình bệnh lậu

**Bảng 3.1:** Tình hình bệnh lậu qua các năm

| Năm   | Số Bn da và hoa liễu tại phòng khám | Số bệnh nhân STD tại phòng khám | Số Bn mắc bệnh lậu | Tỉ lệ bệnh lậu/ tổng số bệnh STD | Tỉ lệ bệnh lậu/ tổng số bệnh da và hoa liễu |
|-------|-------------------------------------|---------------------------------|--------------------|----------------------------------|---------------------------------------------|
| 2006  | 134621                              | 2924                            | 210                | 7.2                              | 0.16                                        |
| 2007  | 138012                              | 3047                            | 151                | 5.0                              | 0.11                                        |
| 2008  | 170073                              | 3603                            | 938                | 26.0                             | 0.55                                        |
| 2009  | 191416                              | 5014                            | 285                | 5.7                              | 0.15                                        |
| 2010  | 190623                              | 5672                            | 362                | 6.4                              | 0.19                                        |
| Chung | 824745                              | 20260                           | 1946               | 9.6                              | 0.24                                        |

**Nhận xét:** Bệnh lậu chiếm 9,6% số bệnh nhân mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục và chiếm 0,24 tổng số bệnh nhân da và hoa liễu tại phòng khám.

### 2- Phân bố bệnh theo giới

**Bảng 3.2:** Phân bố bệnh lậu theo giới

| Năm   | Nam  |      | Nữ  |      |
|-------|------|------|-----|------|
|       | n    | %    | n   | %    |
| 2006  | 168  | 80   | 42  | 20   |
| 2007  | 123  | 81.5 | 28  | 18.5 |
| 2008  | 378  | 40.3 | 560 | 59.7 |
| 2009  | 269  | 94.4 | 16  | 5.6  |
| 2010  | 325  | 89.8 | 37  | 10.2 |
| Chung | 1263 | 64.9 | 683 | 35.1 |

**Nhận xét:** Có 64,9% bệnh nhân là nam và 35,1% bệnh nhân là nữ.

### 3- Phân bố bệnh theo tuổi

**Bảng 3.3:** Phân bố bệnh lậu theo tuổi

| Năm   | <15 tuổi |     | 15-49 tuổi |      | > 50 tuổi |      |
|-------|----------|-----|------------|------|-----------|------|
|       | n        | %   | n          | %    | n         | %    |
| 2006  | 3        | 1.4 | 192        | 91.4 | 15        | 7.1  |
| 2007  | 4        | 2.6 | 129        | 85.4 | 18        | 11.9 |
| 2008  | 59       | 6.3 | 710        | 75.7 | 169       | 18.0 |
| 2009  | 3        | 1.1 | 275        | 96.5 | 7         | 2.5  |
| 2010  | 7        | 1.9 | 341        | 94.2 | 14        | 3.9  |
| Chung | 76       | 3.9 | 1647       | 84.6 | 223       | 11.5 |

**Nhận xét:** Có 84,6% bệnh nhân ở tuổi từ 15 đến 49.

## 2-Phương pháp nghiên cứu:

\* Thiết kế nghiên cứu: Phương pháp mô tả cắt ngang.

\* Các bước tiến hành

Thu thập thông tin của tất các bệnh nhân được chẩn đoán mắc bệnh lậu dựa vào triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm soi trực tiếp tìm vi khuẩn tại BVDLTƯ. Những thông tin của bệnh nhân được lưu trữ trong phần mềm quản lý bệnh viện.

Xử lý số liệu, loại bỏ sự trùng lặp

Khảo sát tình hình, một số yếu tố liên quan về tuổi, giới và sự phân bố của bệnh theo nghề nghiệp và thể bệnh.

Phân tích số liệu thống kê theo chương trình Exel 5.0

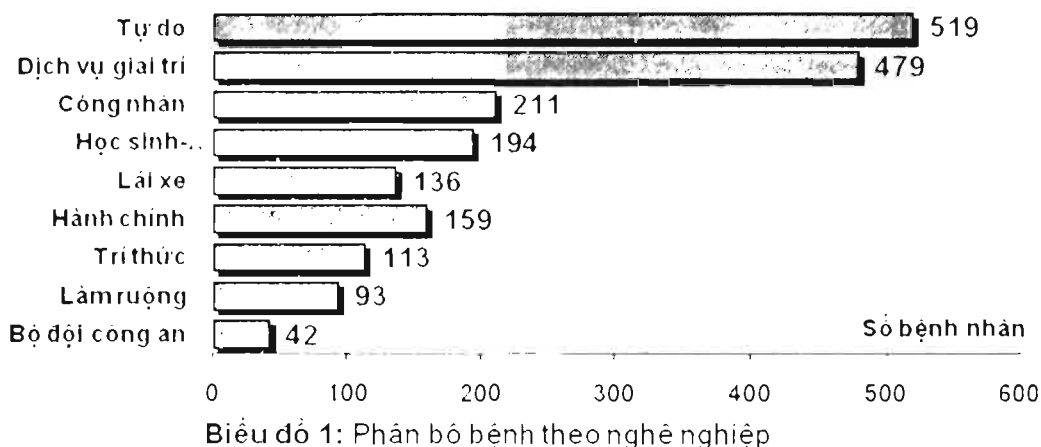
#### 4- Phân bố theo thể bệnh

**Bảng 3.4:** Phân bố các thể lâm sàng của bệnh lậu

| Giai đoạn bệnh | 2006 |       | 2007 |       | 2008 |       | 2009 |       | 2010 |       | Tổng cộng |       |
|----------------|------|-------|------|-------|------|-------|------|-------|------|-------|-----------|-------|
|                | n    | %     | n    | %     | n    | %     | n    | %     | n    | %     | n         | %     |
| Lậu cấp        | 166  | 79.0  | 122  | 80.8  | 378  | 40.3  | 268  | 94.0  | 325  | 89.8  | 166       | 79.0  |
| mãn            | 41   | 19.5  | 27   | 17.9  | 560  | 59.7  | 14   | 4.9   | 35   | 9.7   | 41        | 19.5  |
| Lậu mắt        | 3    | 1.4   | 2    | 1.3   | 0    | 0.0   | 3    | 1.1   | 2    | 0.6   | 3         | 1.4   |
| Chung          | 210  | 100.0 | 151  | 100.0 | 938  | 100.0 | 285  | 100.0 | 362  | 100.0 | 210       | 100.0 |

**Nhận xét:** Có 79,0% bệnh nhân bị lậu cấp, 19,5% bệnh nhân mắc bệnh lậu mãn và 1,4% bệnh nhân mắc bệnh lậu mắt.

#### 5- Phân bố theo nghề nghiệp



**Nhận xét:** Có 519 bệnh nhân làm nghề tự do.

#### IV. BÀN LUẬN

Trong thời gian 5 năm đã có 1946 Bn bị bệnh lậu đến khám và điều trị tại phòng khám Bệnh viện Da liễu Trung ương, chiếm 9,6% tổng số bệnh nhân mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục và chiếm 0,24 % bệnh nhân tại phòng khám Bệnh viện Da liễu Trung ương. Trên thực tế số người mắc bệnh lậu cao gấp nhiều lần so với con số ghi nhận tại bệnh viện vì hầu hết các trường hợp mắc bệnh đến khám và điều trị tại các phòng khám tư nhân hoặc tự mua thuốc tại các quầy thuốc để điều trị. Số lượng bệnh nhân bị bệnh lậu đến khám thay đổi tùy từng năm và không có xu hướng thuyên giảm. Nhìn chung có khoảng gần 400 bệnh nhân đến khám trong một năm. Theo ước tính theo các báo cáo thường niên, số bệnh nhân ghi nhận mắc bệnh chỉ bằng 1/10 số bệnh nhân có thực trong cộng đồng. Tại các nước Tây Âu, theo một nghiên cứu của Van de Heyden, bệnh lậu có xu hướng thuyên giảm trong khoảng thời gian từ 1991 đến 1996 [5]. Tuy nhiên, một nghiên cứu khác ở Thụy Điển, một nước Bắc Âu lại ghi nhận bệnh lậu có xu hướng gia tăng từ 5,9 bệnh

nhân/100000 dân năm 2001 đến 7,8 bệnh nhân/100000 dân năm 2008 [6].

Khảo sát về giới trong nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy 64,9% bệnh nhân là nam và 35,1% bệnh nhân là nữ. Nhiều nghiên cứu về các bệnh lây truyền qua đường tình dục nói chung đều ghi nhận nam giới mắc bệnh nhiều hơn nữ. Điều này nhiều tác giả cho rằng các triệu chứng viêm nhiễm đường tình dục nhất là bệnh lậu ở nam giới rõ rệt hơn ở nữ, vì vậy số bệnh nhân nam đến khám bệnh tại các phòng khám các bệnh lây truyền qua đường tình dục nhiều hơn. Tuy nhiên, ở một số nước tình trạng mắc bệnh lậu ở những đối tượng đồng tính luyến ái khá phổ biến. Nghiên cứu của Marcelo ở Brazil, số bệnh nhân nam mắc bệnh lậu chiếm 18,4 % đàn ông bị các bệnh hoa liễu tại các phòng khám các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Ở nước ta, trên thực tế hiện tượng đồng tính luyến ái nam cũng không phải là hiếm. Nhưng cho đến nay chưa có một nghiên cứu về tình hình bệnh lậu ở những đối tượng này.

Bệnh lậu có thể gặp ở mọi lứa tuổi. kết quả ở bảng 3.3 cho thấy 11,5% bệnh nhân trên 50

tuổi và 3,9% bệnh nhân dưới 15 tuổi và 84,6% bệnh nhân ở tuổi từ 15 đến 49 tuổi, lứa tuổi hoạt động tình dục mạnh mẽ, nhiều khả năng bị bệnh. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới với nhóm tuổi từ 15 đến 24 tuổi có tỉ lệ mắc bệnh cao nhất [1,6].

Khảo sát về phân bố các thể lâm sàng của bệnh cho thấy 79,0% bệnh nhân bị lậu cấp. Hầu hết các trường hợp bệnh nhân mắc lậu cấp là nam giới với các triệu chứng đái buốt, đái rắt, viêm và ra mủ ở miệng sáo. Trong thời gian 5 năm, có 3 trường hợp bệnh nhân bị lậu mắt ở trẻ sơ sinh với biểu hiện sau khi sinh vài ngày, bệnh nhi có biểu hiện mắt nhắm liên tục, sưng nề, ra mủ nhiều khi ấn tay vào mắt. Đây là một trong những cấp cứu trong da liễu vì nếu phát hiện muộn, bệnh có thể gây nhiều biến chứng ảnh hưởng đến thị lực của trẻ. Trẻ sơ sinh bị lậu mắt là do lây truyền từ mẹ mắc bệnh không được điều trị. Để phòng tránh bệnh ở trẻ sơ sinh cần thực hiện tốt công tác quản lý thai nghén, xét nghiệm kiểm tra trước sinh, phát hiện và điều trị kịp thời những sản phụ mắc bệnh. Trong suốt thời gian năm năm, không có trường hợp nào bị lậu ở họng hầu được ghi nhận tại bệnh viện Da liễu Trung ương. Trên thế giới viêm họng hầu do lậu không phải là hiếm gặp. Đặc biệt là ở nhóm đồng tính luyến ái nam [4]. Việc quan hệ tình dục không sinh lý theo kiểu miệng sinh dục là nguy cơ lây nhiễm vi khuẩn lậu ở họng hầu.

Khảo sát yếu tố nghề nghiệp cho thấy tất cả các đối tượng trong xã hội đều có thể mắc bệnh, trong đó có 519/1946 bệnh nhân được ghi nhận là làm nghề "tự do" tiếp đến là những bệnh nhân làm việc trong khối dịch vụ giải trí như nhà hàng, khách sạn. Theo chúng tôi, sự ghi này chỉ có tính chất tham khảo vì hầu hết bệnh nhân mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục nói chung và bệnh lậu nói riêng vì vấn đề cá nhân có thể đã không khai cụ thể nghề nghiệp của mình. Hầu hết các nghiên cứu trên thế giới đều xác định các nhóm nguy cơ cao mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục nói chung và bệnh lậu nói riêng là ở những khách mua dâm, nghiện chích ma túy, những người lao động xa nhà và gần đây là nhóm đồng tính luyến ái nam. Mặc dù với số lượng không nhiều nhưng nông dân cũng là nhóm có nhiều người mắc bệnh. Có thể trong những năm gần đây nhờ kinh tế phát triển, sự đô thị hóa ở nước ta diễn ra một cách ồ ạt, không ít nông dân có tiền nhờ sự bồi thường

đất đai bị thu hồi đã trở thành khách mua dâm và bị nhiễm bệnh (biểu đồ 1).

## V. KẾT LUẬN

Khảo sát 1946 bệnh nhân được chẩn đoán là bệnh lậu tại Bệnh viện Da liễu Trung ương trong thời gian 4 năm từ tháng 1/2007 đến hết tháng 12/2010, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Bệnh lậu chiếm 9,6% số bệnh nhân mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục và chiếm 0,24% tổng số bệnh nhân mắc các bệnh da.

Có 64,9% bệnh nhân là nam và 35,1% bệnh nhân là nữ

Lứa tuổi mắc bệnh chủ yếu từ 15 đến 49 (84,6%)

Có 79% bệnh nhân mắc lậu cấp, 19,5% bệnh nhân mắc lậu mãn và 1,4% bệnh nhân mắc lậu mắt.

Số người làm nghề tự do đến khám nhiều nhất (519 trường hợp) và ít nhất là bộ đội và công an (42 trường hợp).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Datta, S. D. Sternberg, M.; Johnson, R. E.; Berman, S.; Papp, J. R.; McQuillan, G. Weinstock, H. (2007).** "Gonorrhea and chlamydia in the United States among persons 14 to 39 years of age, 1999 to 2002". *Annals of internal medicine* 147 (2): 89-96.
2. **Laga M, Meheus A, Piot P. (1989).** Epidemiology and control of gonococcal ophthalmia neonatorum. *Bull World Health Organ.* 67(5):471-7.
3. **Miller WC, Ford CA, Morris M, Handcock MS, Schmitz JL, Hobbs MM, et al. (2004)** Prevalence of chlamydial and gonococcal infections among young adults in the United States. *JAMA*;12:2229-36
4. **Ota KV, Fisman DN, Tamari IE, Smieja M, Ng LK, Jones KE, Diprima A, Richardson SE. (2009).** Incidence and treatment outcomes of pharyngeal *Neisseria gonorrhoeae* and *Chlamydia trachomatis* infections in men who have sex with men: a 13-year retrospective cohort study. *Clin Infect Dis.* May 1;48(9):1237-43.
5. **Van der Heyden JH, Catchpole MA, Paget WJ, Stroobant A. (2000).** Trends in gonorrhoea in nine western European countries, 1991-6. *European Study Group. Sex Transm Infect.* Apr;76 (2): 110-6.
6. **Velicko I, Unemo M. (2009).** Increase in reported gonorrhoea cases in Sweden, 2001-2008. *Euro Surveill.* Aug 27;14 (34). pii: 19315.